

Số: /BC-SNN-KH

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Thông báo số 97/TB-VPCP ngày 14/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp

Thực hiện văn bản số 1335/UBND-NNTN ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Thông báo số 97/TB-VPCP ngày 14/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp;

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả triển khai thực hiện về việc thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp quý II năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về xây dựng các Đề án:

- Đơn vị đã xây dựng và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030 tại Tờ trình số 130/TTr-SNN-KH ngày 12/6/2020.

- Tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tổng hợp ý kiến, dự thảo văn bản xin chủ trương xây dựng Đề án hỗ trợ chính sách phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Về triển khai thực hiện các Đề án:

Kết quả triển khai Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum: Đã hình thành và đưa vào hoạt động Khu NNUDCNC Măng Đen, huyện Kon Plông được quy hoạch với tổng diện tích 170 ha; công nhận 02 Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Kon Plông và huyện Đăk Hà⁽¹⁾; công nhận 02 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; 05 hộ dân được UBND huyện Đăk Hà cấp thuận chủ trương đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*trồng nấm và cây dược liệu trong nhà lưới, nhà kính*) với tổng diện tích trên 10 ha; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; 16 Nhà đầu tư trên địa bàn huyện Kon Plông được miễn, giảm tiền thuê đất với tổng kinh phí 1.279.262.021 đồng; 01 doanh nghiệp trình hồ sơ miễn thuế⁽²⁾; tổ chức đào tạo cho 1.000 học viên, liên kết đào tạo cho 35 học viên trình độ Trung cấp nghề chăn nuôi thú y;

⁽¹⁾ Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen, huyện Kon Plông; Vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao Đăk Hà

⁽²⁾ Công ty TNHH Việt Khang Nông, huyện Kon Plông

các lớp tập huấn chuyên ngành; ngân sách tỉnh đã bố trí 20.226 triệu đồng từ nguồn đầu tư phát triển (14.597 triệu đồng) và nguồn vốn sự nghiệp (5.629 triệu đồng) để thực hiện các mục tiêu của Đề án phát triển NNUDCNC⁽³⁾. Trong đó, phân bổ cho Sở Khoa học và Công nghệ 20.095 triệu đồng⁽⁴⁾; Sở Nông nghiệp 131 triệu đồng⁽⁵⁾; khu NNUDCNC Măng Đen (*huyện Kon Plông*) đã và đang được triển khai thực hiện với tổng kinh phí đã bố trí đến năm 2020 khoảng 41.087 triệu đồng⁽⁶⁾; tổ chức 05 đợt xét duyệt với 59 dự án, ý tưởng khởi nghiệp đăng ký tham dự, lựa chọn được 34 dự án, ý tưởng khởi nghiệp, trong đó có 10 dự án đã được Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh ký hợp đồng hỗ trợ và đã giải ngân được 922.800.000 đồng; xây dựng các mô hình khuyến nông ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cà phê, quy mô 01 ha, với tổng kinh phí 125 triệu đồng; Huyện Đắk Hà đã cân đối từ nguồn ngân sách huyện xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất các loại cây như: giống Dền đỏ, giống Hành tây, giống Bí ngòi Hàn Quốc, giống ớt chỉ thiên, ớt ngọt ...; hỗ trợ vật tư phục vụ sản xuất NNUDCNC làm nhà bạt, chế phẩm sinh học... với tổng kinh phí khoảng 1.605 triệu đồng; ngoài ra ngân sách tỉnh hỗ trợ 939 triệu đồng để xây dựng chỉ dẫn địa lý "Đắk Hà" cho sản phẩm của huyện Đắk Hà;...

3. Về kiểm tra chất lượng, kiểm soát ATTP nông thủy sản:

- Kiểm tra, thẩm định cấp 10 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm⁷. Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 27 giấy cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông thủy sản⁽⁸⁾.

- Đã tổ chức 02 cuộc kiểm tra, đối với 29 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (*trong đó có 09 hộ sản xuất rau nhỏ lẻ*). Kết quả các cơ sở sản xuất, chế biến nông thủy sản chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm; xử lý vi phạm hành chính 01 vụ với số tiền 7 triệu đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước, hành vi vi phạm vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh không có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

- Tiến hành lấy 81 mẫu (*test nhanh 48 mẫu, gửi phòng kiểm nghiệm phân tích 33 mẫu*) thực phẩm nông thủy sản trên địa bàn Tp Kon Tum, huyện Đắk Hà, Sa Thầy để giám sát, đánh giá mức độ an toàn thực phẩm nông thủy sản; Kết quả 01/48 mẫu không đạt bằng Test nhanh đối với mẫu rau của 01 hộ chuyên kinh doanh rau nhiễm Dư lượng thuốc BVTV gốc Phosphor, Carbamate; đơn vị tiến hành tiêu hủy 10kg rau không đạt với sự chứng kiến của chính quyền địa phương và hộ kinh doanh rau thực hiện ký cam kết kinh doanh thực phẩm an toàn với cơ quan có thẩm quyền; 33 mẫu gửi đi phân tích hiện nay chưa có kết quả. Kiểm dịch xuất tỉnh 3.453 con lợn thịt, 20.580 con gia cầm thịt; kiểm dịch nhập tỉnh 303 con trâu, bò thịt để giết mổ, 7.374 con lợn chăn nuôi, 830 con lợn thịt, 85.000 con gia cầm chăn nuôi, 80.750 con gia cầm thịt; Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Bờ Y đã thực hiện kiểm dịch xuất khẩu 200 con bò chăn nuôi (*từ Gia Lai –Việt Nam sang Lào*).

⁽³⁾ Theo báo cáo của Sở Tài chính tại văn bản số 811/STC-QLNS ngày 16/3/2020.

⁽⁴⁾ Năm 2016: 5.498 triệu; năm 2017: 968 triệu; năm 2018: 1.014 triệu; năm 2019: 816 triệu; năm 2020: 11.875 triệu.

⁽⁵⁾ Năm 2019

⁽⁶⁾ Năm 2018: 11,087 tỷ; năm 2019: 15 tỷ; năm 2020: 15 tỷ

⁷ Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản 07 giấy, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật 01 giấy; Chi cục Chăn nuôi và Thú y 02 giấy

⁸ Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản 24 giấy, Chi cục Chăn nuôi và Thú y 03 giấy

4. Về phát triển chuỗi giá trị, liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ và cơ giới hóa nông nghiệp.

- Đã xây dựng, duy trì 07 chuỗi cung ứng nông sản an toàn áp dụng chương trình quản lý tiên tiến (VietGAP, VietGAHP) với 03 chủng loại nông sản thực phẩm (rau củ, cà phê bột, thịt gà) trên địa bàn huyện Đăk Hà, Ngọc Hồi, Kon Plông và thành phố Kon Tum; sản phẩm an toàn được tiêu thụ các cửa hàng, 24 bếp ăn tập thể, siêu thị Vincom, Coop mart Kon Tum và hệ thống các siêu thị Big C Miền Trung, siêu thị Coop mart, các siêu thị khác tại Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. Tiếp tục thực hiện Dự án “Xây dựng mô hình chuỗi giá trị mới gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm cà phê với trên địa bàn tỉnh Kon Tum”; Xây dựng chuỗi liên kết giá trị nuôi cá lồng bè trên hồ thủy điện tại xã Ya Ly từ nguồn kinh phí nông thôn mới, quy mô 15 lồng nuôi, đối tượng nuôi là: Cá lóc và cá thác lát. Tiến hành các thủ tục xây dựng Mô hình chuỗi cung ứng sản xuất rau củ an toàn tại huyện Sa Thầy, Mô hình chuỗi cung ứng thịt lợn an toàn áp dụng chương trình quản lý tiên tiến theo VietGAHP.

- Tuyên truyền, vận động người dân triển khai thực hiện áp dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất nông nghiệp để từng bước thay thế phương thức lao động truyền thống góp phần giải phóng sức lao động, tăng năng suất lao động; vận động nhân dân xây dựng các mô hình phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Tỉnh Kon Tum đã giải ngân được 6.767 triệu đồng cho 53 khách hàng vay vốn để mua sắm các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và chế biến nông sản.

- Về công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản chuyển biến cả về quy mô và số lượng. Đã hình thành và phát triển hệ thống công nghiệp chế biến bảo quản với 22 cơ sở⁹ quy mô vừa và nhiều cơ sở nhỏ, lẻ, hộ gia đình. Các cơ sở chế biến chủ yếu chế biến cà phê, cao su, sắn, gỗ; nhiều người dân, các Doanh nghiệp cũng đã đầu tư trang thiết bị máy xát, sân phơi, xây dựng lò sấy cà phê để chế biến sản phẩm thô, ứng dụng mô hình nhà kính trong nông nghiệp; chưa có các cơ sở chế biến rau củ quả; công nghệ chế biến nông lâm thủy sản ở mức độ trung bình và lạc hậu.

- Đến nay, trên địa bàn tỉnh số lượng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, đa dạng và phong phú; người dân đã từng bước tiếp cận với máy móc, thiết bị công nghiệp như: máy cày tay, bừa, máy cắt lúa cải tiến, máy cắt cỏ, cày rạch hàng, phay xới đất cà phê thay cuốc hỏ, cuốc xới, sử dụng biện pháp tưới nước bằng béc phun mưa, nâng tỷ lệ bán tự động, điện khí hóa, cơ khí hóa. Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất của người dân tăng lên.

II. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

⁹ Nhà máy chế biến tinh bột sắn 08, nhà máy chế biến cao su 10, chế biến mía đường 1, chế biến cà phê 3

- Thực trạng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, địa hình một số nơi là đồi núi, chưa hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung đã ảnh hưởng lớn đến phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp. Việc áp dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất đối với các loại cây trồng chính còn rất thấp, chưa phát triển đồng bộ và toàn diện, các khâu canh tác thường được áp dụng cơ giới hóa chủ yếu là khâu làm đất và sơ chế, chế biến sản phẩm. Công tác dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất để hình thành cánh đồng lớn hạn chế.

- Triển khai cơ chế chính sách hỗ trợ, nhất là chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/QĐ-TTg, ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ còn gặp khó khăn như: Trình tự cho vay, hồ sơ, thủ tục, thẩm định, tài sản thế chấp. Việc tiếp cận các nguồn vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp của các doanh nghiệp và hộ dân còn gặp nhiều khó khăn.

- Sản xuất gắn kết với thị trường và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp tư nhân còn thiếu vốn; mặt khác, doanh nghiệp nhà nước chưa mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ vào chế biến sản phẩm. Việc thu hút các doanh nghiệp vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến còn gặp nhiều khó khăn.

- Công nghiệp chế biến nông sản chưa đáp ứng được yêu cầu đầu ra cho khâu sản xuất nguyên liệu; chất lượng sản phẩm chưa ổn định, còn tiềm ẩn nguy cơ mất vệ sinh an toàn thực phẩm; dây chuyền thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu, sản phẩm đơn giản, tiêu hao nhiều nguyên liệu và năng lượng; sản phẩm chế biến sâu có GTGT cao tỷ lệ còn thấp, chủng loại sản phẩm chưa phong phú; nguồn lực tài chính còn hạn chế, nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu thông tin thị trường, chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết chiến lược tiêu thụ sản phẩm nông sản.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020:

1. Tiếp tục xây dựng các Đề án: Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án hỗ trợ chính sách phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Kon Tum và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án đã được phê duyệt.

2. Đầu tư xây dựng hạ tầng tại các khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, hình thành cánh đồng lớn, các sản phẩm nông sản chủ lực, thực hiện các chính sách của Nhà nước để tạo quỹ đất, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, tổ chức và người dân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; huy động mọi nguồn lực, tổ chức sản xuất nông nghiệp áp dụng liên kết, cơ giới hóa trong sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài tỉnh, ngoài nước trong việc nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, chế biến tiêu thụ; chuyên giao ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, biện pháp tưới tiêu tiết kiệm; ứng dụng công nghệ sinh học, các chế phẩm vi sinh trong sản xuất kết hợp các giải pháp quản lý, xây dựng nền nông nghiệp sạch, ATTP nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động tìm kiếm thị trường, trực tiếp ký kết hợp đồng thương mại với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài, kịp thời giải quyết đầu ra cho nông dân, liên kết chặt chẽ khâu chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tăng cường cung cấp thông tin chuyên ngành sản xuất, chế biến, tình hình cung cầu, giá cả nguyên liệu cho người sản xuất và các doanh nghiệp; xây dựng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác trong vùng sản xuất nguyên liệu tập trung.

4. Hỗ trợ tư vấn thành lập, kiện toàn, nâng cấp các tổ chức đại diện nông dân; tập huấn về xây dựng thương hiệu, kỹ năng quảng bá, phối hợp tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

5. Thực hiện kiểm soát, kiểm tra chất lượng, ATTP sản phẩm nông thủy sản; hướng dẫn cá nhân, tổ chức áp dụng chương trình quản lý tiên tiến, an toàn thực phẩm.

6. Trang thiết bị, cơ sở vật chất, cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ, kinh nghiệm để triển khai nhiệm vụ có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Thông báo số 97/TB-VPCP ngày 14/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp quý II năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Cục Chế biến và PTTNS;
- Cục QLCL NLS và TS;
- Chi cục QLCLNLS và TS;
- Chi cục PTNT;
- Q. Giám đốc (Báo cáo);
- Lưu: VT, KH, VP Sở.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Chương